

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH (TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP) CHO SINH VIÊN

○ THS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI*

1. Ở nước ta hiện nay, hầu hết học sinh (HS) phổ thông và sinh viên (SV) (kể cả những em học giỏi ngoại ngữ thực sự) chú trọng hơn đến học ngữ pháp, kĩ năng đọc, viết nên gặp không ít khó khăn trong giao tiếp khi có cơ hội tiếp cận với người nước ngoài hoặc khi giao tiếp với nhau. Phát triển khả năng nói tiếng Anh trong chương trình dạy tiếng Anh trung cấp cho SV tiếng Anh hệ cao đẳng, vì vậy là vấn đề cần được quan tâm.

2. Để giúp SV phát triển được khả năng thể hiện tiếng Anh trong giao tiếp, GV phải tích cực

lựa chọn các hoạt động học phù hợp, nghiên cứu bài dạy để đưa hoạt động nói vào từng bài dạy, từng tiết dạy. GV cần dung hòa được 3 phần sau đây: **Ngôn ngữ được tiếp nhận (ngữ liệu vào: Language Input - LI); Cấu trúc cần nắm được (Structured output - SO); Ngôn ngữ phải thể hiện (ngữ liệu ra: Communicative output - CO).**

LI được đưa vào bằng nhiều hình thức như nghe GV nói (teacher talk), các tình huống (situations), hoạt động nghe (listening activities), các bài đọc (reading passages). LI chuẩn bị cho SV vốn từ ngữ và cấu trúc cần thiết để các em sẵn sàng tự nói được tiếng Anh về chủ đề đang học.

SO giúp SV sử dụng được cấu trúc GV vừa giới thiệu một cách đa dạng hơn. Các em có thể kết hợp cả những cấu trúc đã học trước đây. Một trong những hoạt động học hiệu quả ở phần này là điền thông tin thiếu (information gap) dựa vào tranh ảnh, đoạn văn đọc, nghe hay phán đoán. Hoạt động thông dụng khác nữa là phân loại sắp xếp thông tin theo đúng tiêu đề, chủ đề, chủ điểm (jigsaw).

Ở phần CO, SV phải thực hiện nhiệm vụ giao tiếp. Để thể hiện được ngôn ngữ một cách lưu loát, SV cần biết sử dụng ngữ liệu vừa được giới thiệu và luyện tập ở phần trước cùng với những kiến thức đã học khác. Các hoạt động CO giúp SV thực hành tất cả vốn tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày. Hoạt động CO thông dụng nhất là đóng vai (Role plays), thảo luận nhóm (Discussions) hoặc trò chơi học tập theo nhóm (Games). Để các hoạt động đôi, nhóm CO thực sự hiệu quả, GV nên thực hiện theo trình tự sau:

Đóng vai (Role plays)	Thảo luận (Discussions)
1. Chuẩn bị kĩ càng (prepare carefully): giới thiệu hoạt động, miêu tả tình huống	1. Cung cấp cho SV LI cả chủ đề và cấu trúc (give ss input)
2. Đưa ra mục tiêu (set a goal or outcome)	2. Cho SV lựa chọn chủ đề thảo luận hoặc quan điểm về chủ đề đó (offer choices).
3. Sử dụng thẻ phân vai (use role cards)	3. Đưa ra mục tiêu (Set a goal or outcome).
4. Yêu cầu SV "động não" (brainstorm) về từ vựng, cấu trúc, tình huống cần sử dụng	4. Chia nhóm nhỏ (use small group)
5. Chia nhóm nhỏ (Keep group small)	5. Đưa thời gian vừa phải (keep it short)
6. Cho thời gian để SV chuẩn bị (Give ss time to prepare)	6. Để tự mỗi SV tham gia theo khả năng (allow ss to participate in their own way)
7. GV hỗ trợ SV trong giao tiếp, không nên sửa lỗi nếu SV không yêu cầu (Be present at a resource, not a monitor)	7. yêu cầu SV tường thuật lại kết quả thảo luận (Do topical follow-up)
8. Để tự mỗi SV nói theo khả năng (allow ss to work at their own levels)	8. Nhận xét, sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp, phát âm (Do linguistic follow-up)
9. yêu cầu SV trình bày trước lớp vai nói (Do topical follow-up)	
10. Nhận xét, sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp, phát âm (Do linguistic follow-up)	

Hoạt động nói (speaking) theo các tiến trình trên phải thường xuyên được lồng ghép vào các bài, tiết dạy kiến thức và kĩ năng học tiếng Anh như: + Hoạt động nói trong bài dạy từ vựng: Vocabulary - Speaking; + Hoạt động nói trong bài dạy ngữ pháp: Grammar - Speaking; + Hoạt động nói trong bài dạy kĩ năng đọc: Reading - Speaking; + Hoạt động nói trong bài dạy kĩ năng nghe: Listening - Speaking; + Hoạt động nói trong bài dạy kĩ năng viết: Speaking - Writing nhằm tạo nhiều cơ hội giao tiếp thì mới có thể hình thành và trau dồi kĩ năng nói tiếng Anh cho SV.

* Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh

Sau đây là một số thiết kế hoạt động nói theo tiến trình: LI - SO - CO, mà tác giả đã áp dụng trên lớp. Qua các tiết học này, nhận thấy SV tự tin hơn trong giao tiếp, có hứng thú học hơn, và đặc biệt cải thiện được kỹ năng nói tiếng Anh.

1) **Vocabulary - Speaking: Weather forecast (Từ vựng - Nói: Dự báo thời tiết):** (Unit 5 - Vocabulary - New Headway Intermediate).

LI: SV học các từ về thời tiết qua các biểu tượng trong giáo trình. Trong tiếng Anh, cùng 1 hiện tượng thời tiết thường có 3 loại từ miêu tả: động từ - danh từ - tính từ, ví dụ: *shine - sunshine - sunny* (trời nắng). Sau khi luyện phát âm, SV nghe bản tin dự báo thời tiết trên toàn nước Anh, ghi nhớ thông tin để làm bài tập ở phần sau.

Language input

*** Vocabulary:**

Verbs	Nouns	Adj.
Shine	Sunshine	Sunny
Rain	Rain	Rainy
Snow	Snow	Snowy
Blow	Wind	Windy
	Shower	Showery
	Cloud	Cloudy
	Storm	Stormy
	Mist	Misty
	Fog	Foggy

*** Listening: Weather forecast for British Isles**

SO (*information gap*): SV dựa vào phần từ vựng và nhớ lại bản tin thời tiết để điền từ vào chỗ trống. Sau khi kiểm tra cùng cả lớp và GV, SV rút ra cấu trúc dự báo thời tiết: (*It*) *will* + động từ; *There'll be* + danh từ; *It'll be* + tính từ. Ví dụ: *The sun will be shining; there'll be sunshine; it'll be sunny tomorrow* (Ngày mai trời sẽ nắng).

Structured output

*** Fill in the gaps:**

- Starting with the North West of England, There'll be some
- That'll be mainly ... and ... with around six or seven.
- And now the South West and Wales. There might be some
- The will be lower than yesterday, around ... or ... degrees.
- The South East and the Midlands will see the ... of today's
- In Scotland,, there'll be ... during the afternoon, and on the hills Will drop to
- Northern Ireland can expect ..., but the ... will end before

*** Structure: will**

There'll be + N (with *to* around ...)

It'll be + Adj.

Temperature will be + ... (number)/ drop to .../ rise to .../

Others: (Places) ... see the best of today weather

CO: Hoạt động 1, SV nói theo cặp. Dựa vào thời tiết ngày hôm nay, SV1 dự đoán thời tiết ngày mai ở nơi mình đang sống. SV2 sẽ nhắc lại câu dự báo thời tiết đó bằng cấu trúc khác. Ví dụ: SV1: *there'll be some light rain in the early morning*

(trời sẽ mưa nhẹ vào buổi sáng), SV2: *yes, it'll be rainy hoặc it'll rain a little in the early morning.*

Hoạt động 2 (*roleplay*). SV làm việc theo nhóm, đóng vai phát thanh viên dự báo thời tiết trên toàn quốc (có thể tham khảo bản tin tiếng Việt) mỗi SV dự báo một vùng. Ví dụ ở phần bên:

Communicative output

*** Pair work:** forecast tomorrow weather for the place ss are in.

Repeat the information, use other structures

e.g: + S1: There'll be some light rain in the early morning.

+ S2: Yes. It'll be rainy in the early morning.

+ OR: I think so, It'll rain a little in the early morning

*** Group work:** forecast the weather for the whole country (with the help of forecast in Vietnamese: Phía Tây Bắc bộ: nhiều mây, có mưa rào và rải rác có dông. Gió nhẹ. T° cao nhất: 27-30, thấp nhất: 21-24...)

S1: In the North West, there'll be cloud and heavy rain with light wind. The highest t° will be around 27 or 30, the lowest around 21 or 24.

S2: In the North East,.... S3: In Thanh Hoa and TTH,....

S4: In the South,.... S5: In Hanoi capital,....

2) **Grammar - Speaking: First conditionals (Ngữ pháp - Nói: câu điều kiện loại 1)** (Unit 8 - Presentation 1 - New Headway Intermediate) LI: SV

được nghe đoạn hội thoại giữa hai mẹ con, người mẹ lo lắng khi người con đi du lịch nước ngoài và đưa một số tình huống «*What will you do if you get lost? - We'll ask someone the way*» (nếu con lạc đường thì sao? - con sẽ hỏi,...). SV nghe, đọc và chọn từ cho trước điền vào hội thoại. Sau khi luyện đọc, SV rút ra cấu trúc: mệnh đề điều kiện: dùng thời hiện tại thường - mệnh đề kết quả: dùng thời tương lai đơn (*If clause: Present simple, main clause: future simple (will+V)*). Câu điều kiện loại 1 diễn tả điều có thể xảy ra (*future possibility*). Ngoài ra, qua phần nghe, SV cũng học được ngữ âm, ngữ điệu, cách hội thoại tự nhiên với những từ *oh, well, all right* trong hội thoại.

Language input

*** Conversation: will you do? won't get? 'll get? get? 'll ask**

Mum: But what ... you ... if you run out of money?

Jim: We ... a job of course!

Mum: Oh. What about if you ... lost?

Jim: Mum! If we ... lost, we ... someone the way, but we ... lost

because we know where we're going!

Mum: Oh. All right. But what if ...?

*** Structure:**

If clause: present simple. *result clause:* future simple (will V)

Use: to express a future possibility

Note: - A comma (,) stands between the two clauses when if clause come first

- There are several words to introduce conditional: *if, unless, in case.*

SO: Hoạt động 1 (*jigsaw*): SV sắp xếp tình huống có thể xảy ra khi đi du lịch và cách giải quyết hợp lý từ bảng cho trước. Ví dụ: *get food poisoning - go*

to the doctor's; lose passport - tell the police, sau đó đóng vai mẹ - con, sử dụng cấu trúc đã học để thực hành nói: *Oh dear! What will you do if you get food poisoning?* - *Don't worry, Mum. I'll go to the doctor's* (Nếu con ngộ độc thức ăn thì con sẽ làm thế nào? - Con sẽ gọi bác sĩ mẹ ạ).

Hoạt động 2 (picture gap): SV dựa vào tranh cho trước (phần bên) để hoàn thành hội thoại về dịp nghỉ sắp tới. Ví dụ: *If the weather is fine, I'll go to Hanoi; If the buses are crowded, I'll go by taxi* (Nếu thời tiết đẹp, tôi sẽ đi Hà Nội; Nếu xe buýt quá đông, tôi sẽ đi taxi).

Structured output

Jigsaw	Information gap
<p>Problems</p> <ul style="list-style-type: none"> get food poisoning lose passport get snaburart be mugged not like the food <p>Solutions</p> <ul style="list-style-type: none"> go to the doctor's tell the police use sunscreen shout for help not have it, drink milk <p>E.g: S1: What will Jim do if he gets food poisoning? S2: He'll go to the doctor's.</p>	<p>Lan: New Year is coming. When are you going? Nam: I don't know yet.</p> <p>If the weather is fine, Lan: I think buses are very crowded on that day. Nam: If Lan: What will you do when you're in Hanoi? Nam: Well, if it's cold Lan: What about if you meet friendly foreigners? Nam: Lan: Can I go with you? Nam: Ok. Hope the weather is fine. When I</p>

CO (group work - chain game): SV hoạt động nhóm 4 người, giải quyết tình huống GV đưa ra sao cho kết quả của câu trước sẽ là điều kiện cho câu sau. SV2 sẽ nhắc lại câu của SV1 và thêm một câu, SV 4 sẽ nói 4 câu trong đó 3 câu nhắc lại. Nhóm nào giải quyết được nhiều tình huống hợp lí nhất sẽ được khen thưởng. Ví dụ: *Situations: If I learn well...; If you don't learn hard...; If a partner whispers to you «I like you very much"...; If your friends ask you out tonight...* Hoạt động nhóm tình huống 1 có thể là: SV1: *If I learn well, I'll get good marks; SV2: If I learn well, I'll get good mark. If I get good marks, I'll receive a scholarship; SV3: If I learn well, I'll get good marks. If I get good marks, I'll receive a scholarship. If I receive a scholarship, I'll invite you a fruit juice each...* (SV1: Nếu tôi học giỏi, tôi sẽ được điểm tốt; SV2: Nếu tôi học giỏi, tôi sẽ được học bổng; SV3: Nếu tôi học giỏi, tôi sẽ được điểm tốt. Nếu tôi được điểm tốt, tôi sẽ được học bổng. Nếu tôi được học bổng, tôi sẽ khao các bạn sinh tố...).

Communicative output

SS work in group of 4 to play 'chain game', providing that the result in the previous sentence will be the condition in the following. Ss have to repeat their friend's.

E.g:

S1: If I learn English well, I'll get good marks

S2: If I learn English well, I'll get good mark. If I get good marks, I'll receive a scholarship.

S3: If I learn English well, I'll get good marks. If I get good marks, I'll receive a scholarship. If I receive a scholarship, I'll invite you a fruit juice each.

S4: repeat and add one more

Then ss move to another situation and do the same with different beginner. The group which can set the most situations will be the winner.

3) Reading - Speaking: My kinds of holiday (Đọc - Nói: Kì nghỉ của tôi) (Unit 5 - Reading and Speaking - New Headway Intermediate, third edition).

LI (brainstorm - passage): SV quan sát tranh 3 khách sạn đặc biệt và trả lời câu hỏi của GV theo hiểu biết của mình. Ví dụ: *ICE HOTEL: What is the hotel made of? - snow and ice* (khách sạn được xây bằng gì? - băng); *How do you keep warm at night? - by sleeping bag* (Ban đêm giữ ấm thế nào? - bằng túi ngủ); *ARABIAN TOWER: What shape is it? - sail* (khách sạn hình gì? - cánh buồm)... Sau đó SV được cung cấp một số từ mới để đọc, hiểu bài khóa về chuyến du lịch sắp tới của bà chủ công ti du lịch trong giáo trình. Bà chủ này thường phải đi thực tế các địa điểm du lịch và đang có kế hoạch đi đến 3 địa điểm mới đặc biệt. SV kiểm tra lại xem phán đoán trước đó của mình có chính xác không.

Language input

* Look at the pictures of holiday destinations and answer the questions:

+ What shape is it? What is the horizontal tube at the top?

+ How do you get there? Where is the hotel?

+ What is the hotel made of? How do you keep warm at night?

* New words: giant(a)/ igloo (n)/ laze (v)/ nose around(v)/ spectacular(a)

* Read the text and check your predicted answers.

HOTELS WITH A DIFFERENCE



ARABIAN TOWER



BAOBAB RIVERS LODGE



ICE HOTEL

SO (jigsaw): SV thảo luận đôi và sắp xếp thông tin trong bài khóa vào đúng ô trong bảng theo từng tiêu đề: *Which hotel? How long? What speciality? What/do there?* (nghỉ khách sạn nào? đi trong bao lâu? khách sạn và phòng nghỉ có gì

đặc biệt...). Từ bài đọc và thông tin ở bảng, SV rút ra được cấu trúc ngữ pháp cần dùng: *Present continuous for future arrangements; Be going to infinitive for future intentions* (hiện tại tiếp diễn và tương lai «be going to» để nói về kế hoạch và dự định tương lai).

Structured output		
Put the words into the correct column:		
Which hotel?	Ice hotel in Canada	Arabian Tower in Dubai
How long?	4 nights	A few days
What speciality about the place?	Giant igloo made of 4500 tons of snow & 250 tons of ice in 5 weeks/ melt in spring/ 2 art galleries featuring ice sculptures/ an ice cinema/ a bar with ice glasses. Sleeping bags made of deer skin	Shaped like a giant sail/ rise out of beautiful blue water/ rooms with sea view/ top tube-shaped restaurant/
What to do there?	Sleep in deer skin bag/ Visit art galleries/ go to ice cinema/ drink with ice glasses	Go to the dramatic restaurant/ go shopping/ buy designer clothes/ perfumes, spices, gold jewellery/ visit camel races

From the text: *Present continuous for future arrangements*
Be going to infinitive for future intentions

CO: Hoạt động 1 (roleplay): SV đóng vai nhà báo và người chủ công ty du lịch, phỏng vấn về chuyến đi sắp tới. Ví dụ: *Where are you going soon? - I'm going to Canada; Which hotel are you staying at? - I'm staying at the Ice hotel; What's special about the hotel and its room? - The hotel is a giant igloo made of 4500 tons of snow and 250 tons of ice...* (Sắp tới bà sẽ đi đâu? - Tôi đi Canada; Bà sẽ ở khách sạn nào? - Tôi dự định ở khách sạn băng; ở đó có gì đặc biệt, thưa bà? - Khách sạn băng khổng lồ này được xây từ 4500 tấn tuyết và 250 tấn băng ...). Sau đó SV chuyển vai để hỏi và trả lời về địa điểm khác.

Communicative output	
1. Role play: interviewer – Travel agency owner, Karen Saunders	
+ Where are you going soon? I'm going to Canada	
+ Which hotel are you staying at? I'm staying at the Ice hotel	
+ How long are you staying there? For 4 nights	
+ What's special about the hotel and its room? the hotel is a giant igloo made of 4500 tons of snow and 250 tons of ice. It takes 5 weeks to build. There are 2 art galleries featuring ice sculptures, a cinema, a bar serving drinks in glasses of ice.	
+ What are you going to do there? I'm going to sleep in deer skin sleeping bag and of course I'm going to visit all of places there.	
2. Whisper Game: work in group of 5: a representative gets the card with sentences about her third trip, whisper to the next and then the next, the last person has to catch all information and speak in front of the class	
+ Card 1: She's going to Tanzania for 7-day safari. She's going on a safari by land to search for elephants, rhinos and lions.	
+ Card 2: She's going to stay in tree-top room with the view of vast forested banks of Rufiji River. She's going on a safari by boat to search for crocodiles, hippos and rare birds	

Hoạt động 2 (whisper game): SV hoạt động nhóm 5, mỗi nhóm cử 1 SV nhận thẻ có thông tin

về chuyến du lịch thứ 3 của bà chủ công ty (SV đã được đọc quảng cáo về địa điểm du lịch này). SV1 nói thầm với SV2, SV2 nói thầm với SV3 và tiếp tục, đến SV5 có nhiệm vụ nói lại cả của nhóm mình, trước lớp. Ví dụ: *She's going Tanzania for 7-day safari. She's going on a safari by land to search for elephants, rhinos and lions.* (Bà ấy sẽ đi tua du lịch thám hiểm 7 ngày Tanzania. ở đó bà ấy sẽ khám phá loài voi, giắc và sư tử).

Với vai trò và trách nhiệm dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, GV tiếng Anh cần tạo nhiều cơ hội cho SV thực hành tiếng Anh, đặc biệt là thực hành nói để hình thành và xây dựng cho các em kỹ năng nói, giúp các em tự tin trong giao tiếp. □

Tài liệu tham khảo

1. Liz and John Soars. *New Headway Intermediate* (2003; 2008) (student's and teacher's books, 1st and third Edition). Oxford University Press.
2. Celce-Murcia. *Teaching English as a Second or Foreign language*, USA: Heinle & Heinle. 2001.
3. Nunan. D. *Language Teaching Methodology*, UK Prentice Hall International. 1991.
4. <http://www.Teachingenglish.org.uk>; <http://www.nclrc.org>; <http://www.tienganhonline.com.vn>.

Rèn luyện cho sinh viên...

(Tiếp theo trang 44)

đại học, cần thiết phải trang bị cho họ kỹ năng vận dụng các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật trong dạy học toán ở trường phổ thông. □

(1) Nguyễn Thái Hòa. *Rèn luyện tư duy qua việc giải bài tập toán*. NXB Giáo dục, H. 2001.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Hoàn (chủ biên) - Nguyễn Gia Cốc - Trần Thúc Trình. *Giáo dục học môn Toán*. NXB Giáo dục, H. 1981.
2. Ngô Thúc Lan - Đoàn Quỳnh - Nguyễn Đình Trí. *Từ điển Toán học thông dụng*. NXB Giáo dục, H. 2000.
3. Nguyễn Đạo Phương - Phan Huy Khải. *Tuyển chọn các bài toán về ba đường conic*. NXB Giáo dục, H. 1995.
4. Nguyễn Cảnh Toàn. *Phương pháp luận duy vật biện chứng với việc học, dạy, nghiên cứu toán học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, H. 1997.